

NGÂN HÀNG TMCP NÀO CÓ CƠ HỘI ĐƯỢC NƠI ROOM LÊN 49% THEO CAM KẾT EVFTA?

Hiệp định EVFTA giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU) mới được nghị viện châu Âu chính thức phê chuẩn vào giữa tháng 2/2020 mở ra cơ hội cho hai phía tham gia nhiều hơn vào thị trường lẫn nhau. Hiệp định dự kiến sẽ chính thức có hiệu lực vào ngày 1/7/2020.

Theo đó, giữa Việt Nam và EU sẽ có các cam kết, ưu đãi về thương mại, dịch vụ và đầu tư.

Đáng chú ý, đối với dịch vụ ngân hàng, trong vòng 5 năm kể từ khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực, Việt Nam cam kết sẽ xem xét thuận lợi việc cho phép các tổ chức tín dụng EU nâng mức nắm giữ của phía nước ngoài lên 49% vốn điều lệ trong 2 ngân hàng thương mại cổ phần của Việt Nam (không áp dụng với 4 ngân hàng thương mại cổ phần mà Nhà nước đang nắm cổ phần chi phối là BIDV, Vietinbank, Vietcombank và Agribank). Cụ thể hơn, Ngân hàng châu Âu sẽ là bên đề xuất “Với ngành ngân hàng, trong vòng 5 năm kể từ ngày **Hiệp định EVFTA** có hiệu lực, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam sẽ **xem xét trên tinh thần thiện chí đề xuất của các tổ chức tín dụng của Liên minh Châu Âu** về việc cho phép các nhà đầu tư nước ngoài được nắm giữ tổng số cổ phần trong hai ngân hàng thương mại cổ phần của Việt Nam lên tới 49% vốn điều lệ của các ngân hàng đó. Thỏa thuận nêu trên sẽ được tiến hành tự nguyện giữa các **ngân hàng** thương mại cổ phần của Việt Nam và các tổ chức tín dụng của châu Âu”.

Sức hút của ngành ngân hàng Việt Nam đối với các tổ chức quốc tế và từ EU:

Tính tới thời điểm hiện tại, so với các ngân hàng châu Âu, thị trường Việt Nam tỏ ra hấp dẫn hơn đối với các ngân hàng châu Á, một phần liên quan đến đặc điểm địa lý. Hiện chỉ có 03 ngân hàng từ EU có chi nhánh hoạt động tại Việt Nam trong khi chưa có ngân hàng 100% vốn từ EU đăng ký hoạt động tại Việt Nam. [Tham khảo phụ lục](#)

Tuy nhiên, trên khía cạnh đầu tư, các ngân hàng Việt Nam có sức hấp dẫn lớn với các tổ chức quốc tế. theo đánh giá từ chuyên gia thuộc JPMorgan: “Các ngân hàng Việt Nam là cơ hội đầu tư nổi trội ở Đông Nam Á”. Mặc dù vậy, các NĐTNN gặp rào cản lớn về mặt pháp lý liên quan đến mức trần giới hạn sở hữu 30% của NĐTNN tại các ngân hàng Việt Nam. Với cam kết từ EVFTA này, các ngân hàng châu Âu hiện có hoạt động IB mạnh tại thị trường Việt Nam (Deustch Bank, Norges Bank) và Đông Nam Á nói chung sẽ hứng thú hơn cả.

Ngân hàng Việt Nam được hưởng lợi gì từ cam kết này?

Khi được nới room, ngân hàng mục tiêu sẽ được tiếp cận nguồn vốn lớn, hỗ trợ mở rộng hoạt động tín dụng, đặc biệt trong bối cảnh các ngân hàng bị giới hạn tỷ lệ LDR ở mức 85% theo thông tư 22/2019. Bên cạnh đó, đây cũng là cơ hội lớn để tiếp cận bộ máy quản trị hiệu quả từ ngân hàng rút vốn cũng như có cơ hội để ngân hàng mục tiêu vươn ra thị trường quốc tế.

Ngân hàng nào tiềm năng nhất?

Trên thực tế, các ngân hàng châu Âu đều có thể mạnh về quy mô, kinh nghiệm cũng như chuẩn mực quản trị cao (đều đang áp dụng Basel III và tiến hành đến Basel IV). Vì vậy, việc lựa chọn đối tác phải dựa trên các tiêu chí nhằm đảm bảo được lợi nhuận đầu tư (biên lợi nhuận tốt), kiểm soát rủi ro hiệu quả, nâng cao hình ảnh của tổ chức (cơ hội tăng trưởng và có thể mạnh trong phân khúc khai thác), đặc biệt đáp ứng các chuẩn mực quốc tế trong khâu quản trị vận hành (Basel II và Basel III, báo cáo theo chuẩn mực IFRS).

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ QUẢN TRỊ CÁC NGÂN HÀNG VIỆT NAM

| | Cho vay khách hàng 2019 (Tỷ VND) | Tăng trưởng cho vay khách hàng (không có trái phiếu) | NIM (%) | Tỷ lệ nợ xấu (NPL) 2019 | LDR 2019 | Xử lý hết dư nợ trái phiếu VAMC | ĐÁP ỨNG BASEL II theo thông tư 41 | CAR 2019 |
|-------|----------------------------------|------------------------------------------------------|---------|-------------------------|----------|---------------------------------|-----------------------------------|----------|
| VPB | 257,184 | 15.87% | 9.37% | 3.42% | 120.21% | X | X | 11.08% |
| HDB | 146,324 | 18.84% | 4.70% | 1.36% | 116.11% | | X | 11.25% |
| VIB | 129,200 | 34.39% | 3.93% | 1.96% | 105.59% | X | X | 9.70% |
| CTG* | 935,271 | 8.13% | 2.87% | 1.16% | 104.76% | | | 9.25% |
| LPB | 140,523 | 17.89% | 3.37% | 1.44% | 102.69% | | X | 10.85% |
| SHB | 265,204 | 22.22% | 2.51% | 1.83% | 102.26% | | X | 11.70% |
| BID * | 1,116,925 | 12.96% | 2.65% | 1.74% | 100.24% | | | - |

| | | | | | | | | |
|--------------|---------|--------|-------|-------|--------|---|---|--------|
| TCB | 230,802 | 44.31% | 4.45% | 1.33% | 99.79% | X | X | 15.50% |
| MBB | 250,331 | 16.60% | 4.90% | 1.16% | 91.79% | X | X | - |
| ACB | 268,701 | 16.56% | 3.57% | 0.54% | 87.20% | | X | 11.00% |
| TPB | 95,644 | 23.91% | 4.12% | 1.29% | 82.75% | X | X | - |
| VIETB ANK | 40,574 | 14.31% | 2.22% | 1.32% | 82.75% | | X | - |
| EIB | 113,255 | 8.85% | 2.12% | 1.71% | 81.32% | | | - |
| VCB* | 734,707 | 16.28% | 3.10% | 0.78% | 79.14% | X | X | 9.40% |
| STB | 296,030 | 15.36% | 2.47% | 1.94% | 73.85% | | X | - |
| NVB | 37,911 | 6.27% | 1.82% | | 64.15% | | | - |
| OCB | 56,316 | 26.23% | 3.94% | 1.84% | | X | X | - |
| MSB | 63,594 | 30.42% | 2.47% | 2.04% | | | X | - |
| SEAB ANK | 98,614 | 17.52% | 2.12% | 2.96% | | X | X | - |

Nguồn: IVS Research tổng hợp

(*) NHTMCP có vốn Nhà nước

- VPB, VIB, MBB, TCB có NIM cao nhất
- ACB, MBB, TCB là 3 NH TMCP có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất.
- Về mặt quản trị, VIB và VPB là 2 ngân hàng đầu tiên hoàn thành triển khai cả 3 trụ cột của Basel II

XẾP HẠNG CÁC NGÂN HÀNG VIỆT NAM

| | Xếp hạng tín nhiệm Moody BCA (Dec 2019) | JP Morgan quan điểm đầu tư | Xếp hạng tín nhiệm S&P | Xếp hạng tín nhiệm Fitch | 500 thương hiệu ngân hàng lớn nhất toàn cầu năm 2020 (Brand Finance) | Tổ chức lớn nắm giữ cổ phần |
|-----|-----------------------------------------|----------------------------|---------------------------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| VPB | b1 | Tích cực | | | X | Quỹ ETF VGMVN30 (0.72%); Quỹ ETF SSIAM VNX50 (0.01%). Sở hữu nước ngoài 22.77%. |
| HDB | b2 | | | | | Quỹ ETF VFMVN30 (0.73%); Quỹ ETF SSIAM VNX50 (0.01%). Sở hữu nước ngoài 23.59%. |
| VIB | b1 | | | | | Commonwealth Bank of Australia (20.00%); Các quỹ khác. Sở hữu nước ngoài 20.05%. |
| CTG | b1 | | BB- Longterm, B shortterm | BB+ | X | |
| LPB | b2 | | | | | |
| SHB | b3 | | | | | Market Vectors Vietnam ETF (2.78%); Deutsche Bank Aktiengesellschaft (2.52%) |
| BID | b2 | | | | X | |
| TCB | ba3 | Tích cực | | | X | Norges Bank (1.71%); Amersham Industries Limited (1.65%); Vietnam Enterprises Investment Limited (1.44%). Sở hữu nước ngoài 20.90%. |
| MBB | ba3 | | | B+ | X | |
| ACB | ba3 | Tích cực | | B | X | Dragon Financial Holdings Limited (6.92%); First Burns Investments Limited (4.00%); Sather Gate Investments Limited (4.99%); Whistler Investments Limited (4.99%); Asia Reach Investment Limited (3.15%); ACB đồng thời |

| | | | | | | |
|----------|-------------------------|----------|-----------------------------------|-----|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | | | | | được nắm giữ bởi rất nhiều quỹ trong và ngoài nước khác. Hiện đã kín room ngoại. |
| TPB | b1 | | | | | SBV Ven Holding Limited (4.63%); PYN Elite Fund (4.99%); IFC (4.99%). Kín room ngoại. |
| VIETBANK | | | | | | Các quỹ đầu tư Việt Nam, chủ yếu nắm giữ đầu tư. Sở hữu nước ngoài 4.24%. |
| EIB | | | | | | Sumitomo Mitsui Banking corporation (15.00%); Vina Capital Vietnam Opportunity Fund (4.94%); VOF Investment Limited (4.93%). Kín room ngoại. |
| VCB | ba3 | Tích cực | | BB+ | X | |
| STB | Caa1 stable, caa2 | | axBB+long-term, axB short-term | | X | Quỹ ETF VFMVN30 (1.04%); VanEck Vectors ETF (0.99%); Dragon Capital (0.66%). Tổng sở hữu nước ngoài 12.29%. |

Nguồn: IVS Research tổng hợp

Theo xếp hạng tín nhiệm của Moody công bố tháng 12/2019, TCB, MBB, VPB, VIB, ACB là những ngân hàng TMCP (ngoài SOCBs) có xếp hạng cao nhất (cả BCA, rủi ro đối tác, nhà phát hành và huy động nợ) trong 31 ngân hàng của Việt Nam được xếp hạng. [Chi tiết](#)

KẾT LUẬN: dựa trên các phân tích trên đây, VIB, VPB, TCB, ACB là những ứng viên tiềm năng nhất có thể được xem xét nói room ngoại theo đề xuất của ngân hàng châu Âu. Cơ hội bút phá là rất lớn, tuy nhiên, đây sẽ chỉ là câu chuyện trong dài hạn.

PHỤ LỤC

DANH SÁCH CÁC NGÂN HÀNG 100% VỐN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

| Tên ngân hàng | Quốc gia |
|-----------------------------------------|-----------|
| ANZ Bank Vietnam | Úc |
| Hong Leong Bank Vietnam | Malaysia |
| HSBC Vietnam Limited | Hong Kong |
| Shinhan Bank Vietnam Limited | Hàn Quốc |
| Standard Chartered Bank Vietnam Limited | Anh |
| Public Bank Vietnam Limited | Malaysia |
| CIMB Bank Vietnam Limited | Malaysia |
| Woori Bank Vietnam Limited | Hàn Quốc |
| UOB Bank Vietnam Limited | Singapore |

DANH SÁCH CÁC NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI CÓ CHI NHÁNH TẠI VIỆT NAM

| Ngân hàng | Quốc gia |
|----------------------------|-------------|
| Agricultural Bank of China | Trung Quốc |
| Bank of China | Trung Quốc |
| Bank of India | Ấn Độ |
| Bank of Communications | Trung Quốc |
| Bangkok Bank | Thái Lan |
| BIDC Bank | Cambodia |
| BNP Paribas | Pháp |

BPCE IOM Bank

Pháp

Busan Bank

Hàn Quốc

Cathay Bank

Mỹ

China Construction Bank

Trung Quốc

Citibank

Anh

CTBC Bank

Đài Loan

DBC Bank

Ấn Độ

Deutsche Bank AG

Đức

E.Sun Commercial Bank

Trung Quốc

First Commercial Bank

Đài Loan

Hua Nan Commercial Bank

Đài Loan

ICBC Bank

Trung Quốc

Industrial Bank of Korea

Hàn Quốc

JP Morgan

Mỹ

Kookmin Bank

Hàn Quốc

GEB Hana Bank

Hàn Quốc

Malaysian Banking Berhard

Malaysia

Mega ICBC Bank

Trung Quốc

Mizuho Bank

Nhật Bản

MUFG Bank Ltd

Nhật bản

Nonghyup Bank

Hàn Quốc

| | |
|-------------------------|------------|
| OCBC Bank | Singapore |
| Shanghai & Savings Bank | Trung Quốc |
| Siam Commercial Bank | Thái Lan |
| Sinopac Bank | Trung Quốc |
| SMBC Bank | Nhật Bản |
| Taipei Fubon | Đài Loan |

Nguồn: Sbv, IVS Research tổng hợp

KHUYẾN CÁO

Báo cáo, bản tin này được cung cấp bởi Công ty chứng khoán đầu tư Việt Nam – Vietnam Investment Securities Company (IVS). Nội dung bản tin này chỉ mang tính chất tham khảo và các nhận định trong báo cáo được đưa ra dựa trên đánh giá chủ quan của người viết. Mặc dù mọi thông tin được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy, nhưng IVS không đảm bảo tính chính xác của các thông tin và không chịu trách nhiệm đối với các quyết định mua bán do tham khảo thông tin này.

| CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM | LIÊN HỆ | TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI | CHI NHÁNH TP. HCM |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  VIETNAM INVESTMENT SECURITIES COMPANY | Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073 Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999 Email: ivs@ivs.com.vn Website: www.ivs.com.vn | P9-10, tầng 1, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, Hà Nội Điện thoại: (024) 35.730.073 Fax: (024) 35.730.088 | Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q.3, Tp.HCM Điện thoại: (028) 38.239.966 Fax: (028) 38.239.696 |